TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ–ST
Ngày: 03-01-2018.
V/v tranh chấp: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tính.

Ông Võ Văn Minh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:**

Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 427/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Thị N, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã PV, huyện B, tỉnh BT.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã PV, huyện B, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/7/2017, bản tự khai ngày 17/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày*:

Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày

23/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh BT. Trong thời gian chung sống chị và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh T không lo làm ăn, nhậu nhẹt về đánh đập chị, chị có báo với chính quyền địa phương nhưng anh T vẫn vậy, từ cuối năm 2013 chị và anh T ly thân cho đến nay.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên là: Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày: 13/4/2005 hiện đang chung sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2017 anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống nguyên nhân ly hôn và thời gian ly thân là đúng, nay chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Anh và chị N có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày: 13/4/2005 hiện đang chung sống với chị N, anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi cháu V, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chị N cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt là đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N; Về con chung: chị N tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 13/4/2005, ghi nhận chị N nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: tự thỏa thuận giải quyết, nợ chung: Không có; Về án phí hôn nhân chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn", anh T hiện nay đang đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại ấp P, xã PV, huyện B, tỉnh BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 18 ngày 23/3/2004 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh BT cấp, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Chị N và anh T đều khai thống nhất với nhau trong thời gian chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, anh T thường nhậu nhẹt và đánh đập chị N. Chị N và anh T sống ly thân từ cuối năm 2013 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã triệu tập chị N, anh T nhiều lần để Tòa án hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị N và anh T đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị N và anh T có 01 người con chung tên là: Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày: 13/4/2005 hiện đang chung sống với chị N, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi cháu V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con chung, Tòa án có lấy ý kiến của cháu V, cháu V cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị N. Hiện nay cháu V đang chung sống với chị N vẫn đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần, do đó giao cháu V cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xét đến.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N, anh T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Do yêu cầu ly hôn của chị N được xem xét chấp nhận nên chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh V, sinh ngày 13/4/2005 cho chị Lê Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh V đủ 18 tuổi.

Ghi nhận chị Lê Thị N tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Lê Thị N.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lê Thị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn T.

Anh Nguyễn Văn T cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị Lê Thị N.

Chị Lê Thị N Thực cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị Lê Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006052 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Lê Thị N đã nộp đủ án phí.

[6] Chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Phú Vang, huyện Bình Đại;*
- *VKSND huyện Bình Đại;*
- *Chi cục THAD huyện Bình Đại;*
- *TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu